

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHÀ BÈ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2020/DS-ST

Ngày: 29/9/2020.

V/v Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Văn Tao
2. Bà Phạm Kim Tuyến

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Chí Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2019/TLST-DS ngày 19/7/2019 về việc: “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 502/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 630/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1974

Địa chỉ: X, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1957 (Có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 0883, quyền số 01/UQ/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/6/2019 lập tại Văn phòng công chứng Y, tỉnh Bình Thuận)

Địa chỉ: N đường 1E, khu dân cư Melosa Khang Điền, phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: K ấp 2, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người làm chứng:** Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1970 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: L, xã Hồng Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong Đơn khởi kiện ngày 13 tháng 6 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X do bà Nguyễn Thị Xuân H làm người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà X và ông C là hàng xóm quen biết nhau nên bà X có nhờ ông C mua dùm bà một chiếc xe ô tô 07 chỗ để kinh doanh dịch vụ du lịch. Tháng 03/2018, ông C báo ông C có chiếc xe ô tô hiệu Toyota Innova, sản xuất năm 2010 và ông sẽ bán cho bà X giá 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) nhưng phải hai tháng nữa mới giao xe vì ông C đang ký hợp đồng cho thuê xe, không thể giao xe ngay được.

Hai bên thỏa thuận giá mua bán chiếc xe trên là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Ông C đề nghị bà X giao tiền trước để ông C đặt cọc mua chiếc xe khác thay thế. Bà X đã giao đủ số tiền trên cho ông C, bao gồm hai lần đưa tiền mặt và ba lần chuyển khoản cho ông C.

Sau khi nhận đủ tiền, ông C báo với bà X là cuối tháng 6/2018 ông C sẽ giao xe vì khi đó hợp đồng thuê xe mới hết hạn. Vì tin tưởng ông C là hàng xóm thân tình (mẹ ông C ở kế bên nhà bà X) nên bà X đồng ý.

Tuy nhiên, đã quá thời hạn tháng 6/2018 mà ông C vẫn không giao xe, bà X không đồng ý mua xe nữa và yêu cầu ông C trả lại số tiền đã nhận của bà. Sau nhiều lần yêu cầu thì ông C cho biết không có xe để giao như thỏa thuận và ông C viết xác nhận thành giấy mượn tiền đối với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) bà X đã giao. Theo đó, ông C cam kết từ ngày 25/6/2018 đến ngày 01/7/2018 ông C sẽ trả đủ số tiền này cho bà X nhưng đến nay ông C vẫn chưa trả, mặc dù bà X đã nhờ Văn phòng Luật sư hỗ trợ pháp lý, nhiều lần gửi thông báo yêu cầu ông C trả tiền cho bà X.

Vì vậy, bà X khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh C và bà Từ Thị M (vợ ông C) thanh toán một lần cho bà số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất. Sau đó, bà X thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Minh C trả cho bà số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), không yêu cầu bà Từ Thị M liên đới trả số tiền trên và không yêu cầu tính lãi suất.

*Bị đơn ông Nguyễn Minh C:* Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

*Người làm chứng ông Nguyễn Thanh T có văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến:*

Ông là người chứng kiến việc bà X giao dịch với ông C mua chiếc xe ô tô hiệu Toyota Innova đời 2010 để thuê ông chạy chở khách du lịch. Ông có biết việc bà X đã giao cho ông C số tiền 300.000.000 đồng. Sau đó, ông C không thực hiện việc giao xe như cam kết nên bà X khởi kiện yêu cầu ông C trả lại tiền đã nhận. Ông xác định ông không liên quan, không có tranh chấp gì đối với số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian,

địa điểm theo luật định. Đối với bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về thời gian, địa điểm mở phiên tòa nên Toà án xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện do có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Minh C phải trả cho bà X số tiền 300.000.000 đồng mà ông C đã nhận theo thỏa thuận mua bán xe ô tô giữa hai bên. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là: “Tranh chấp đòi tài sản”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Minh C cư trú tại huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án thông báo và tổng đạt, niêm yết hợp lệ công khai Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Minh C theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 196, 208, 220 và Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, việc bị đơn ông C vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết theo quy định pháp luật; Người làm chứng ông Nguyễn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Minh C và người làm chứng ông Nguyễn Thanh T.

Bà Nguyễn Thị X chỉ yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Minh C phải thanh toán khoản tiền nợ 300.000.000 đồng, do đó không cần đưa những người thân khác của ông C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

#### **[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Căn cứ Giấy mượn tiền đề ngày 25/6/2018 có chữ ký, chữ viết tên và dấu lấn tay của ông C: Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Minh C có nợ của bà Nguyễn Thị X số tiền 300.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, ông C có nghĩa vụ phải trả cho bà X số tiền trên trong thời hạn từ ngày 25/6/2018 đến ngày 01/7/2018 nhưng ông C đã không thực hiện mặc dù bà X đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu thanh toán số tiền nợ nhưng ông C cố tình lẩn tránh. Do đó, căn cứ Điều 166 và Điều 274 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X buộc ông C có nghĩa vụ trả cho bà X số tiền 300.000.000 đồng. Bà X chỉ yêu cầu cá nhân ông C trả tiền và không yêu cầu ai liên đới trả số nợ trên.

Về lãi suất: Bà X không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 300.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Minh C phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 228, Điều 233, Điều 266, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166, Điều 274 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

#### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh C phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị X số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ký ngày 25/6/2018. Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận nguyên đơn bà Nguyễn Thị X không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 300.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Minh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị X theo Biên lai thu số AA/2018/0034271 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên thì thời hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè, Tp.HCM;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**